

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÂN HOÀ VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÂN HOÀ VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAN HOA VIET NAM DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109203079

3. Ngày thành lập: 01/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Nhì, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961733219

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
4.	Trồng cây hàng năm khác	0119
5.	Trồng cây ăn quả	0121
6.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
7.	Trồng cây lâu năm khác	0129
8.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
9.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
10.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
11.	Chăn nuôi gia cầm	0146
12.	Chăn nuôi khác	0149
13.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
14.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
15.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
16.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
17.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
18.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
19.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
20.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
21.	Khai thác muối	0893
22.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
23.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

24.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
25.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
26.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
27.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
28.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
29.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
30.	Sản xuất đường	1072
31.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
32.	Sản xuất chè	1076
33.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
34.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
35.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
36.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
37.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
39.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
40.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
41.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
42.	Xây dựng nhà để ở	4101
43.	Xây dựng nhà không để ở	4102
44.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
45.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
46.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
47.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá hàng hóa)	4610
48.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
49.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
50.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
51.	Bán buôn đồ uống	4633
52.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
53.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn được)	4649
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
56.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662

57.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
59.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
61.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
62.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
63.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
64.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
65.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
66.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
67.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
68.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
69.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
70.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
71.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
72.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kinh doanh vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
73.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá viên)	4774
74.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
75.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
76.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
77.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
78.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4789
79.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
80.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
81.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
82.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

83.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
84.	Cơ sở lưu trú khác	5590
85.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
86.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5621
87.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
88.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
89.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Tư vấn bất động sản	6820
90.	Cho thuê xe có động cơ	7710
91.	Đại lý du lịch	7911
92.	Điều hành tua du lịch	7912
93.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
94.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
95.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
96.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
97.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
98.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
99.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	TT Xí nghiệp Bắc Hà, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	25,000	040194000496	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.000	250.000.000	25,000		
2	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	TT Xí nghiệp Bắc Hà, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	55.000	550.000.000	55,000	012993525	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	55.000	550.000.000	55,000		

3	TRẦN ĐÌNH SÁNG	Xóm Phạt Sơn, Xã Đại Đồng, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	182525194
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/06/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012993525

Ngày cấp: 08/08/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TT Xí nghiệp Bắc Hà, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: TT Xí nghiệp Bắc Hà, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội